TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN L-TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 173 /2019/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 25 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 325/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1977
2. Bà Trần Thị Thúy H**,** sinh năm 1985

Cùng trú tại: K 129/4 PNX, phường HKN, quận L, TP Đà Nẵng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh P và bà Trần Thị Thúy H kết hôn năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông P và bà H chung sống tại K129/4 PNX, phường Hoà Khánh Nam, quận L, TP.Đà Nẵng.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chủ yếu vì vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, luôn bất đồng trong quan điểm sống, mặc dù vợ chồng đã hết sức cố gắng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng , không khí gia đình ngày càng ngột ngạt, vợ chồng đã sống ly thân thừ năm 2015 đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân nên ông P và bà H thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông P và bà H đã thật tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của ông P và bà H.

[2] Về con chung*:* Ông Nguyễn Minh P và bà Trần Thị Thúy H cùng khai nhận có 02 con chung là Nguyễn Trường G, sinh ngày 13.7.2010 và Nguyễn Trường S, sinh ngày 17.10.2014. Ly hôn ông P và bà H thỏa thuận như sau:

Bà Trần Thị Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Minh P cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về nợ chung: không có

[5] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) ông P và bà H phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17.9.2019, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Minh P và bà Trần Thị Thúy H thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 14 quyển số 01 ngày 31.3.2009 tại UBND xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định không còn giá trị pháp lý.

- *Về quan hệ con chung:* Ông Nguyễn Minh P và bà Trần Thị Thúy H xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Trường G, sinh ngày 13.7.2010 và Nguyễn Trường S, sinh ngày 17.10.2014. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận:

Bà Trần Thị Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung Nguyễn Trường G, sinh ngày 13.7.2010 và Nguyễn Trường S, sinh ngày 17.10.2014 đến tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Minh P không cấp dưỡng tiền nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Ông Nguyễn Minh P và bà Trần Thị Thúy H không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Nợ chung:* Ông Nguyễn Minh P và bà Trần Thị Thúy H xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) ông Nguyễn Minh P và bà Trần Thị Thúy H phải nộp và được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006416 ngày 06.9.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L, TP Đà Nẵng. Ông P và H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận L;
- Chi cục THADS quận L;
- UBND x Ân Thạnh, h Hoài Ân, Bình Định;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Phạm Thanh Thủy